Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini test: ……

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 2: Families - Vocabulary Revision & Presentation

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**hockey player** (n)	cầu thủ khúc côn cầu	4	**pleased** (adj)	hài lòng, vui mừng
2	**present** (n)	quà tặng	5	**blonde** (adj)	(mái tóc) vàng hoe
3	**cushion** (n)	gối tựa, đệm	6	**friendly** (adj)	thân thiện

**Note:* n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Which month comes next? Fill in the blanks with the correct months.

(Tháng nào tiếp theo? Điền tên tháng phù hợp vào chỗ trống.)

0. March, April, May, June

1. August, September, October, _____

2. January, February, March, _____

3. September, October, November, _____

4. April, May, June, _____

5. October, November, December, _____

LIVEWORKSHEETS

II. Read the text and choose the correct answers. *(Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng.)*

Wedding Story

Last Sunday, Anna and her family went to a big **wedding**. The wedding was for Anna's cousin. The bride looked very beautiful in a long white dress and carried some flowers in her hands. She smiled all the time. The groom looked proud and happy in a black suit with a red tie. In the middle of the wedding, people *lit (đã thắp sáng)* a large candle to bring good luck. Everyone clapped, sang songs, and took photos. After that, they ate cake, danced together, and shared many happy moments.

0. When was the wedding?

A. Friday

B. Saturday

C. Sunday

1. What does "wedding" mean here?

A. A marriage celebration

B. A birthday party

C. A picnic

2. What did the bride wear?

A. A red tie

B. A long white dress

C. A T-shirt

3. Who wore the black suit?

A. Anna

B. The bride

C. The groom

4. What did people light for good luck?

A. A lamp

B. A candle

C. A firework

5. What did people do after the wedding?

A. Went home

B. Played football

C. Ate cake and danced

III. Reorder the words/phrases to make the complete sentences.
(Sắp xếp các từ/cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh.)

0. I / a movie / watched / yesterday.

→ I watched a movie yesterday.

1. played football / They / in the park.

→ _____

2. visit the museum / didn't / last week. / We

→ _____

3. I / on Sunday. / study English / didn't

→ _____

4. Did / open the window? / you

→ _____

5. she / Did / wash the dishes?

→ _____

LIVEWORKSHEETS

Các con nghe bài ở link sau: https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-3_test-3_part-1

Listening

Part 1

– 5 questions –

Listen and draw lines. There is one example.



LIVEWORKSHEETS